Ủy ban nhân dân
Tỉnh Ninh Thuận
08/06/2020 08:53:49

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 159 /BC-UBND	*Ninh Thuận, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO
Phân tích Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Ninh Thuận năm 2019

Trên cơ sở kết quả công bố Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2019 vào ngày 28/4/2020 do Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam phối hợp thực hiện;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo phân tích kết quả đánh giá Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Ninh Thuận năm 2019, cụ thể như sau:

I. Khái quát chung về Chỉ số PAPI:

1. Khái quát về Chỉ số PAPI:

Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (gọi tắt là Chỉ số PAPI) là bộ chỉ số đo lường và đánh giá tính hiệu quả về quản trị và hệ thống hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam, dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (gọi tắt là Chỉ số PAPI) là bộ chỉ số đo lường và đánh giá tính hiệu quả về quản trị và hệ thống hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam, dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chỉ số PAPI gồm 08 trục nội dung *(Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai, minh bạch; Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường và Quản trị điện tử).*

2. Đối tượng khảo sát:

Chỉ số PAPI tiến hành khảo sát bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp người dân tại 06 xã, phường, thị trấn với tổng số **194 người được phỏng vấn** *(phường Tấn Tài, xã Thành Hải thuộc TP Phan Rang – Tháp Chàm **với 60 người**, xã Lương Sơn, thị trấn Tân Sơn – thuộc huyện Ninh Sơn **với 67 người**, xã Lợi Hải, xã Phước Chiến – thuộc huyện Thuận Bắc **với 67 người**).*

II. Kết quả đánh giá Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Ninh Thuận năm 2019:

dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công;Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường và Quản trị điện tử) với thang điểm tối đa là 80 điểm *(10 điểm/trục nội dung)*. Kết quả năm 2019 tỉnh Ninh Thuận ***đạt 43.26/80 điểm*** *(giảm 2.16 điểm so với năm 2018;* ***xếp vị thứ 37/63 tỉnh, thành phố (giảm 24 bậc so với năm 2018),*** xếp hạng vào **nhóm đạt điểm trung bình thấp,** cụ thể như sau:

- Về điểm số:

+ Có 01 trục nội dung tăng điểm *(Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công)*.

+ Có 07 trục nội dung giảm điểm *(Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai minh bạch; Trách nhiệm giải trình với người dân; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường; Quản trị điện tử cấp tỉnh)*. Trong đó nội dung "*Trách nhiệm giải trình với người dân*" giảm điểm nhiều nhất (giảm 0.53 điểm và giảm 38 bậc).

- Về nhóm xếp loại:

+ 03 trục nội dung thuộc nhóm đạt điểm cao nhất *(Tham gia người dân ở cơ sở; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Cung ứng dịch vụ công)*.

+ 01 trục nội dung thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao *(Quản trị môi trường)*.

+ 02 trục nội dung thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp *(Công khai minh bạch; Thủ tục hành chính công)*.

+ 02 trục nội dung thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất (*Trách nhiệm giải trình với người dân; Quản trị điện tử)*.

1. Các nội dung đánh giá:

a) Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở.

Nội dung này được đánh giá trên 04 nội dung thành phần: ***Tri thức công dân; Cơ hội tham gia; Chất lượng bầu cử cấp cơ sở; Đóng góp tự nguyện.*** Các tiêu chí để đánh giá gồm: sự hiểu biết của người dân về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; sự hiểu biết của người dân về các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bầu cử các chức danh của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là chức danh Trưởng, Phó Trưởng thôn - khu phố; về sự tham gia đóng góp và sự giám sát của người dân đối với việc đầu tư, xây dựng các công trình công cộng ở địa phương nơi cư trú.

Kết quả năm 2019 tỉnh Ninh Thuận ***đạt 5.31/10 điểm, xếp hạng 13/63 tỉnh, thành phố và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất*** *(giảm 0.08 điểm và tăng17 bậc so với năm 2018)*. Trong đó, *01 nội dung thành phần tăng điểm (Đóng góp tự nguyện) và 03 nội dung thành phần giảm điểm (Tri thức công dân; Cơ hội tham gia; Chất lượng bầu cử cấp cơ sở) so với năm 2018.* Cụ thể gồm:

- Tri thức công dân: Nội dung thành phần này giúp làm rõ mức độ hiểu biết của người dân về quyền bầu cử và quyền công dân, qua đó đánh giá hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc phổ biến quyền được biết của người dân.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này năm 2019 ***đạt 0.75/2.5 điểm, giảm 0.21 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.***

Nguyên nhân giảm điểm là do mức độ tuyên truyền, phổ biến các quy định dân chủ cơ sở ít được chính quyền cơ sở quan tâm.

- Cơ hội tham gia: Chỉ số thành phần này cho thấy mức độ tích cực của các cấp chính quyền cơ sở trong việc hỗ trợ người dân thực hiện quyền tham gia bầu cử. Người dân được hỏi về việc họ có đi bầu trong cuộc bầu cử Quốc hội và HĐND năm 2011 và bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố trong vòng 2,5 năm qua hay không, tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri rộng rãi, dân chủ hơn và tạo cơ hội cho mọi công dân trong khu dân cư tham gia thảo luận, theo dõi, giám sát việc xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng diễn ra ở địa bàn.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.59/2.5 điểm, giảm 0.22 điểm và thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do tỷ lệ số người được hỏi cho biết họ đã trực tiếp tham gia bầu cử ở các cấp, tổ trưởng tổ dân phố, tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri, tham gia thảo luận, theo dõi, giám sát việc xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng diễn ra ở địa bàn thấp hơn so với năm trước.

- Chất lượng bầu cử: Chất lượng bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố được đánh giá dựa trên các tiêu chí đo lường việc người dân tự quyết định lựa chọn ứng viên, cách thức tổ chức buổi bầu cử nhằm đảm bảo lựa chọn ứng viên một cách công bằng và minh bạch.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.46/2.5 điểm, giảm 0.27 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.*** Nội dung này cho thấy số người được hỏi cho biết họ được mời đi dự bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng dân phố trong năm 2019 thấp hơn so với những năm trước, tỷ lệ người trả lời cho biết hình thức bầu trưởng thôn/tổ trưởng dân phố, kết quả bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng dân phố được niêm yết công khai thấp hơn năm trước.

- Đóng góp tự nguyện: Đóng góp tự nguyện để đầu tư xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng, dân sinh ở địa bàn dân cư, như nhà văn hóa, đường sá, trường mầm non là một hình thức biểu hiện sự tham gia tự nguyện, chủ động của người dân, thay vì bị chính quyền ép buộc. Một khi người dân chủ động tham gia, họ sẽ đóng góp tích cực vào các quy trình dự án, từ khâu khởi động đến khâu giám sát công trình. So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.51/2.5 điểm, tăng 0.32 điểm và thuộc nhóm cao nhất của cả nước.***

Kết quả chỉ số nội dung Tham gia của người dân ở cấp cơ sở, năm 2019 thấp hơn năm 2016, năm 2018 nhưng cao hơn năm 2017; điều này cho thấy Chỉ số nội dung này biến động không ổn định qua các năm. Nguyên nhân biến động của Chỉ số nội dung thành phần này cho thấy sự tin tưởng của người dân vào hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban Giám sát đầu tư cộng đồng vẫn chưa cao, chính quyền cơ sở cần phải có những hoạt động thiết thực hơn nữa để nâng cao chất lượng hoạt động của các Ban này để tạo được sự tin tưởng ở người dân.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở" qua 02 năm (2018-2019)

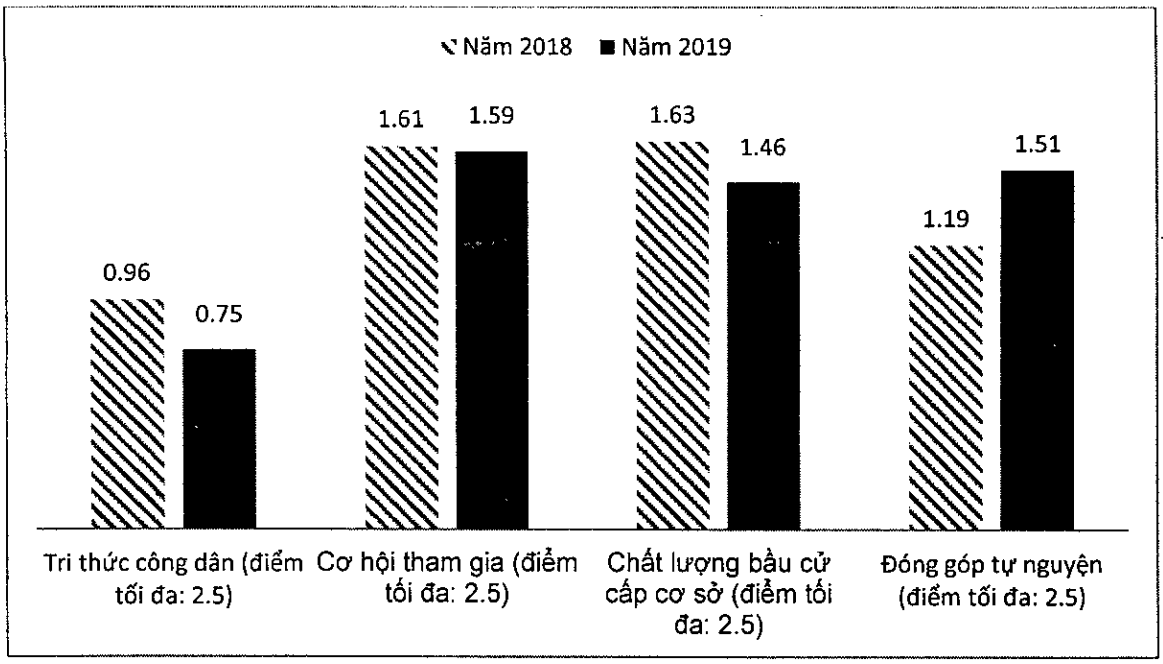

b) Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch.

Chỉ số nội dung này được đánh giá trên 04 chỉ số thành phần: ***Tiếp cận thông tin; Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; Thu, chi ngân sách cấp xã; Công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù.*** Đây là 04 lĩnh vực cần đẩy mạnh công khai, minh bạch, nên chú trọng nhiều hơn vào việc đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng hơn và cung cấp kịp thời đầy đủ thông tin hữu ích, đáng tin cậy cho người dân. Hơn nữa, các địa phương cần thực hiện nghiêm túc quy định công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo cập nhật ý kiến góp ý của nhân dân. Qua đó, chính quyền địa phương sẽ đáp ứng nhu cầu minh bạch hóa thông tin ngày càng cao từ phía nhân dân.

Kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận, ***đạt 5.3/10 điểm, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp cả nước*** (*giảm 0.06 điểm, giảm 10 bậc).* Trong đó, 02 nội dung thành tăng điểm *(Tiếp cận thông tin; công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo),* 01 nội dung thành phần giữ nguyên điểm *(Thu, chi ngân sách cấp xã),* 01 nội dung thành phần giảm điểm *(Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù)* so với năm 2018.Cụ thể gồm:

- Tiếp cận thông tin: Nội dung thành phần này cho biết tỷ lệ người dân nhận được thông tin chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương, có hữu ích, có đáng tin cậy, có phải trả chi phí không chính thức mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương,….

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 0.83 điểm/2.5, tăng 0.03 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao cả nước.***

- Công khai danh sách hộ nghèo: Nội dung thành phần này cho biết mức độ công khai danh sách hộ nghèo với người dân trong năm vừa qua và phản ánh đánh giá của người dân về chất lượng lập danh sách hộ nghèo của chính quyền cơ sở.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.85/2.5 điểm, tăng 0.11 điểm so với năm 2018 và thuộc nhóm trung bình cao của***

cả nước. Nội dung này cho thấy tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố, công khai ở xã/phường họ sinh sống tăng hơn năm trước.

- Công khai thu, chi sách ngân sách cấp xã: Khi người dân được thông tin đầy đủ về thu, chi ngân sách của xã/ phường, người dân sẽ thực hiện được quyền tham gia giám sát cán bộ, công chức ở địa phương, đồng thời giúp phát hiện những hành vi sử dụng công quỹ cho mục đích riêng của cán bộ chính quyền cơ sở. Nội dung thành phần này cho biết mức độ công khai, minh bạch trong thu, chi ngân sách cấp xã/phường, một trong những yêu cầu quan trọng của Pháp lệnh thực hiện dân chủ cơ sở đối với chính quyền cấp xã/phường phải tuân thủ để đảm bảo "quyền được biết" của người dân.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.37/2.5 điểm, giữ nguyên điểm số và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước***; cả 03 chỉ tiêu cấu thành nội dung này *(tỉ lệ người trả lời cho biết thông tin thu, chi ngân sách cấp xã/phường được công bố công khai; họ đã đọc bảng kê thu, chi được công khai và họ tin vào độ chính xác của thông tin thu, chi đã công khai)* giữ nguyên như năm trước.

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất: Đo lường mức độ công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù đất có ý nghĩa quan trọng, bởi qua đó các cấp chính quyền địa phương có thể xem xét mức độ hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách về đất đai, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin tới người dân theo tinh thần của Pháp lệnh thực hiện dân chủ cơ sở và Luật đất đai (sửa đổi) năm 2013.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1,26/2.5 điểm, giảm 0.19 điểm và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do tỷ lệ người trả lời cho biết họ biết đến kế hoạch sử dụng đất tại địa phương giảm so với năm trước, ít có thông tin về quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất ở địa phương và ít có cơ hội đóng góp ý kiến của mình trước khi quy hoạch/kế hoạch được ban hành và bị ảnh hưởng bởi quy hoạch.

Kết quả Chỉ số nội dung Công khai, minh bạch năm 2019 thấp nhất qua các năm từ 2016 - 2018. Điều này cho thấy Chỉ số nội dung này chưa được người dân tin tưởng và đánh giá cao.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Công khai, minh bạch" qua 02 năm (2018-2019)

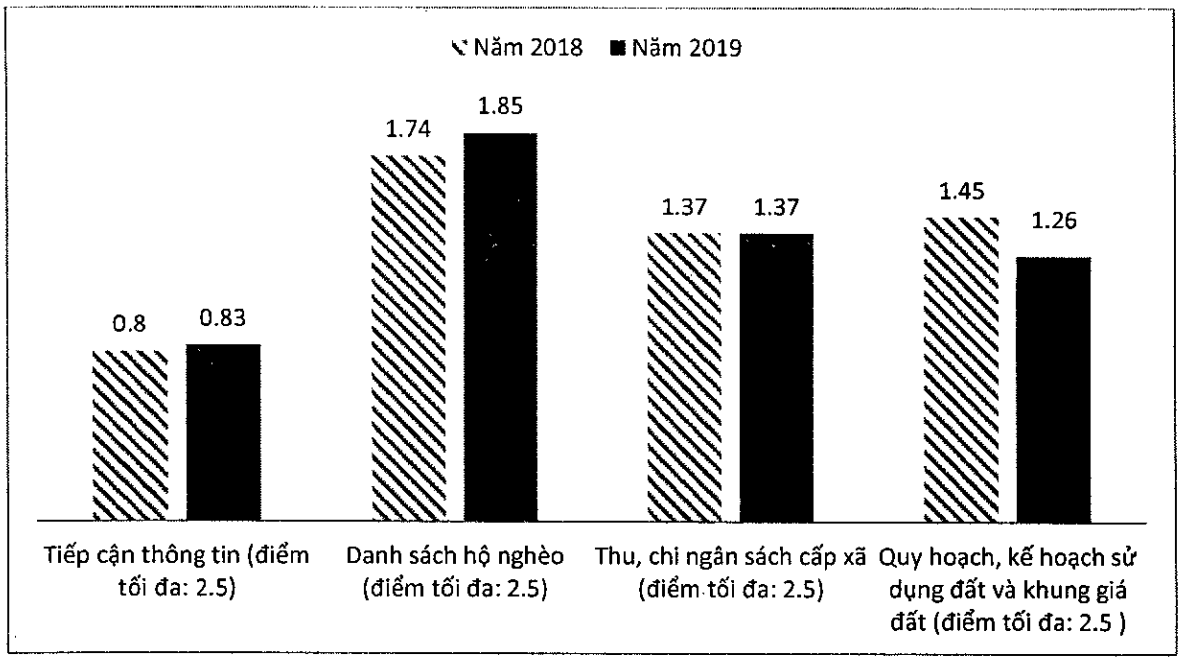

c) Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân.

Nội dung này được đánh giá trên 03 nội dung thành phần: ***Tương tác với các cấp chính quyền; Giải quyết khiếu nại, tố giác của người dân; Tiếp cận dịch vụ tư pháp.*** Ngoài các cuộc tiếp xúc cử tri định kỳ, các cấp chính quyền cần thực hiện nhiều cuộc tiếp xúc không định kỳ để biết và giải quyết sớm nhiều vấn đề bức xúc còn trong nhân dân. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền cần cởi mở hơn để tiếp nhận các khuyến nghị, khiếu nại, tố cáo.

Kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận ***đạt 4.49 điểm, xếp vị thứ 60/63 tỉnh, thành phố*** *(giảm 0.53 điểm và giảm 38 bậc so với năm 2018 –* ***đây là chỉ số nội dung thành phần giảm điểm nhiều nhất)***. Trong đó, 03 nội dung đều giảm điểm *(Tương tác với các cấp chính quyền; Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân; Tiếp cận dịch vụ tư pháp).*

- Tương tác với các cấp chính quyền – hay mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền: Nội dung thành phần này đo lường mức độ hiệu quả trong việc giải trình, tiếp xúc và tương tác với người dân của cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền địa phương. Khi có bức xúc, khuất mắc liên quan tới gia đình, hàng xóm và chính quyền địa phương, người dân có thể tiếp xúc không thường xuyên với trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, hoặc thường xuyên thông qua các cuộc gặp định kỳ với cán bộ, công chức từ chính quyền cấp tỉnh đến cấp xã, hoặc các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu HĐND.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.78/3.3 điểm, giảm 0.25 điểm và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do người dân đánh giá mức độ tiếp xúc giữa người dân và chính quyền ít hơn, hiệu quả của các cuộc tiếp xúc ở cả hai cấp (thôn/tổ dân phố và UBND xã/phường) trong năm 2019 thấp hơn so với năm trước, tỷ lệ người được hỏi cho biết ý kiến đóng góp xây dựng chính quyền của họ được tiếp nhận cũng thấp hơn so với trước đây. Cụ thể những chỉ số thành phần chưa đạt điểm:

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ HĐND xã/phường để giải quyết khúc mắc 3.03% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc 5.23% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc 9.96% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với trưởng thôn/tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc đạt 12.97% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

- Giải quyết khiếu nại, tố giác của người dân: Chỉ số thành phần này đo lường mức độ hiệu quả cuộc gặp gỡ với cán bộ, công chức địa phương để giải quyết khuất mắc và những tố cáo của họ đã được giải quyết và trả lời thỏa đáng.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 0.77/3.3 điểm, giảm 0.23 điểm và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do tỉ lệ người dân được hỏi trả lời mức độ hiệu quả cuộc gặp gỡ với cán bộ, công chức địa phương để giải quyết khuất mắc và những tố cáo của họ đã được giải quyết và trả lời chưa được thỏa đáng. Cụ thể những chỉ số thành phần chưa đạt điểm:

+ Tỷ lệ người trả lời đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại cho biết đã được chính quyền phúc đáp thỏa đáng 13.28% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%).

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền địa phương đạt 16.31 % (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

- Tiếp cận dịch vụ tư pháp: Chỉ số thành phần này đo lường mức độ hài lòng của người dân tin vào tòa án và các cơ quan tư pháp địa phương, khi có tranh chấp dân sự, hay sự dụng các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.94/3.4 điểm, giảm 0.04 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.***

Kết quả năm 2019 thấp nhất qua các năm từ 2016-2018. Nguyên nhân giảm điểm là do người dân đánh giá mức độ tiếp xúc, tương tác giữa người dân và chính quyền ít hơn, hiệu quả của các cuộc tiếp xúc ở cả hai cấp (thôn/tổ dân phố và UBND xã/phường) thấp hơn so với các năm trước, việc đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền của họ được tiếp nhận cũng thấp hơn so với trước đây, khuất mắc và những tố cáo của họ đã được giải quyết và trả lời chưa thỏa đáng, người dân biết tự tìm cách giải quyết tranh chấp khác phù hợp hơn.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Trách nhiệm giải trình với người dân" qua 02 năm (2018-2019)

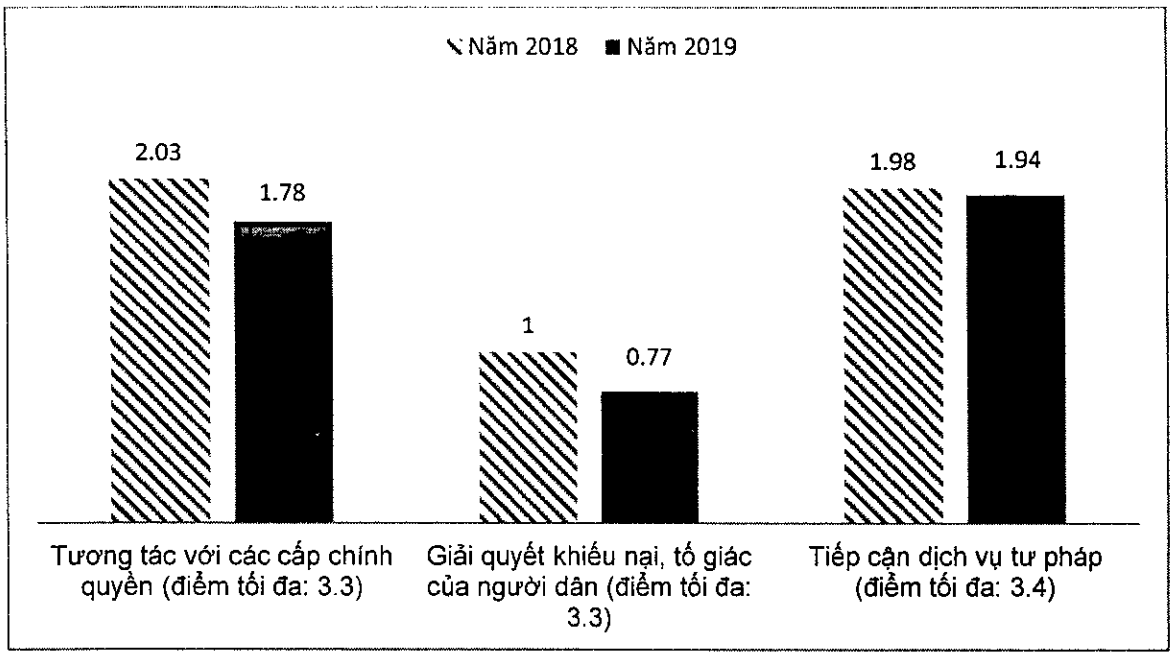

d) Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

Chỉ số nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của các cấp chính quyền qua 04 nội dung thành phần, gồm: ***Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương; Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công; Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương***. Những chỉ số này cũng cho thấy mức độ chịu đựng tham nhũng của cả chính quyền và người dân, đồng thời gợi mở những giải pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa tập quán tham nhũng đang ngày càng trở nên phổ biến.

Kết quả năm 2019, tỉnh Ninh Thuận ***đạt 7.18/10 điểm, tăng 0.27 điểm so với năm 2018, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố (tăng 01 bậc so với năm 2018 và thuộc nhóm cao nhất của cả nước)***. Trong đó, có 03 nội dung thành phần đều tăng điểm so với năm 2018 *(Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền; Cung ứng dịch vụ công; Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công) và 01 nội dung thành phần giảm điểm (Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương).* Cụ thể như sau:

- Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương: Chỉ số nội dung thành phần này đo lường mức độ hiệu quả trong kiểm soát một số hành vi tham nhũng, nhũng nhiễu của cán bộ chính quyền các cấp thông qua ba chỉ tiêu: cán bộ chính quyền không dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng; người dân không phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và người dân không phải chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng. Qua đó có thể tìm hiểu mức độ phổ biến của những hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức chính quyền địa phương khi phục vụ nhân dân.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.9/2.5 điểm, tăng 0.21 điểm và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước***. Nguyên nhân tăng điểm là do người dân lạc quan hơn trong đánh giá về hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương. Tỷ lệ người trả lời đồng ý với nhận định cho rằng cán bộ chính quyền không sử dụng công quỹ vào mục đích riêng, không vòi

vĩnh đòi hối lộ khi làm thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc khi thụ lý hồ sơ xin cấp phép xây dựng của người dân thấp hơn so với năm trước.

- Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công: Nội dung thành phần này cho biết cảm nhận của người dân về tham nhũng khi sử dụng dịch vụ y tế công và giáo dục công. Hai chỉ tiêu được sử dụng để đo lường gồm: *người dân không phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh và phụ huynh học sinh tiểu học không phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn.*

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 2.15/2.5 điểm, tăng 0.04 điểm và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước.*** Nguyên nhân tăng điểm là do người dân nhận định phải chi trả ngoài quy định khi sử dụng dịch vụ y tế công giảm so với năm trước và việc kiểm soát hiện trạng "bồi dưỡng" giáo viên ở trường tiểu học công lập để học sinh được quan tâm hơn và đã có sự cải thiện tốt hơn.

- Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công: Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng một bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.24/2.5 điểm, tăng 0.07 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung cao của cả nước.*** Nguyên nhân tăng điểm là do người dân nhận định quan hệ cá nhân với người có chức quyền là yếu tố quyết định khi xin việc vào cơ quan nhà nước giảm, người dân cho rằng phải "lót tay", hay có quan hệ cá nhân mới xin được việc vào cơ quan nhà nước đã giảm so với trước, có sự công bằng hơn của con em họ khi xin việc vào cơ quan nhà nước.

- Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương: Nội dung thành phần này cho biết mức độ quyết tâm phòng, chống tham nhũng của chính quyền địa phương và hiệu quả huy động người dân tham gia vào nỗ lực chung đó.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.9/2.5 điểm, giảm 0.04 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.*** Nội dung này người trả lời cho biết đôi lúc họ vẫn bị vòi vĩnh, đòi hối lộ và tỷ lệ đánh giá tích cực về mức độ nghiêm túc của chính quyền cấp tỉnh trong xử lý các vụ việc tham nhũng ở địa phương giảm so với năm trước và quyết tâm của người dân trong việc tố giác các hành vi tham nhũng, vòi vĩnh của cán bộ chính quyền trầm lắng hơn năm trước.

Kết quả Chỉ số nội dung này tăng dần và giữ ổn định qua các năm từ năm 2016-2018. Điều này cho thấy người dân lạc quan hơn trong đánh giá về hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công" qua 02 năm (2018-2019)

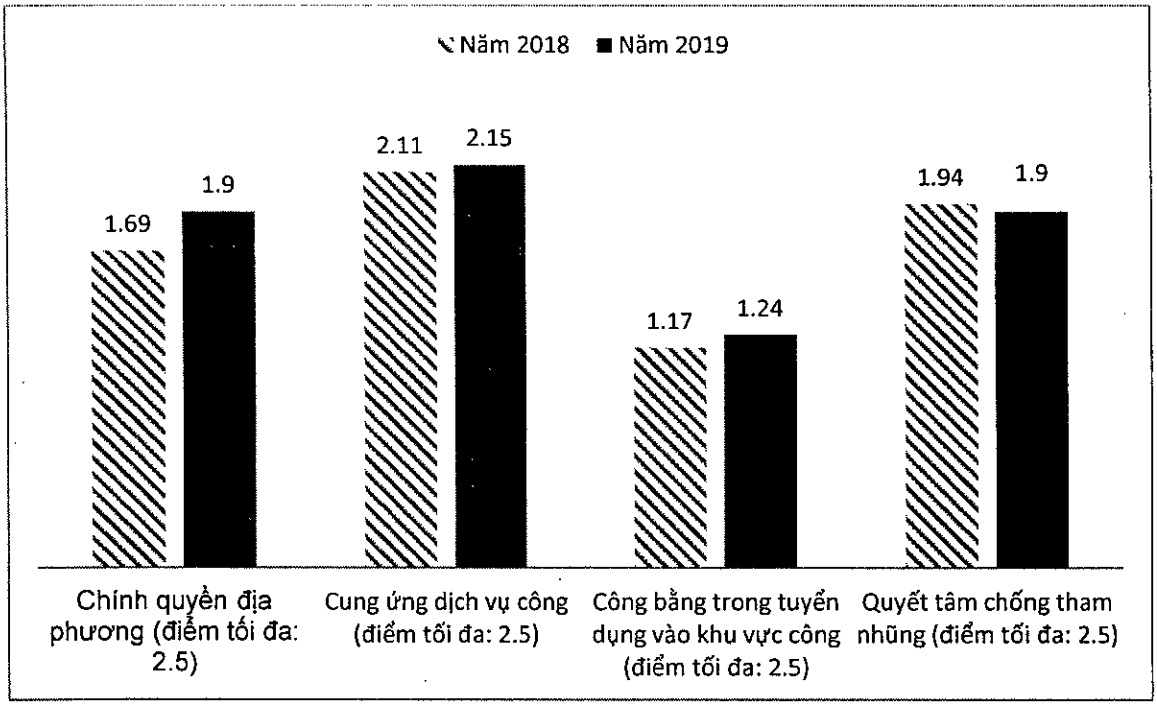

đ) Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công.

Chỉ số nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở những lĩnh vực cần thiết nhất cho đời sống của người dân, bao gồm 04 nội dung thành phần: ***Dịch vụ chứng thực, Xác nhận của chính quyền cơ sở; Dịch vụ cấp giấy phép xây dựng; Dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất); và dịch vụ hành chính công cấp xã/phường***. Đánh giá tập trung vào yếu tố tạo nên một nền hành chính chuyên nghiệp và phục vụ: thông tin rõ ràng về quy trình, thủ tục; phí và lệ phí được niêm yết công khai; mức độ thạo việc của công chức; thái độ phục vụ của công chức; thủ tục đơn giản; hẹn ngày nhận kết quả; nhận kết quả đúng lịch hẹn và sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

Kết quả năm 2019 tỉnh Ninh Thuận ***đạt 7.3/10 điểm, xếp vị thứ 39/63*** *(giảm 0.23 điểm và giảm 22 bậc so với năm 2018)* ***và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấpcủa cả nước***. trong đó, có 01 nội dung thành phần tăng điểm (*dịch vụ và thủ tục cấp phép xây dựng); 01 nội dung thành phần giữ nguyên điểm (dịch vụ và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 02 nội dung thành phần giảm điểm (Dịch vụ chứng thực, xác nhận, thủ tục hành chính ở cấp xã).* Cụ thể như sau:

- Dịch vụ chứng thực, xác nhận: Nội dung thành phần này đo lường mức độ hiệu quả cung ứng dịch vụ chứng thực, xác nhận tới người dân của chính quyền cấp huyện và xã/phường.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.71/2.5 điểm, giảm 0.15 điểm và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do người sử dụng dịch vụ chưa thật sự hài lòng về kết quả sử dụng các dịch vụ này của chính quyền địa phương so với năm trước. Tỉ lệ người dân đã làm thủ tục lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền chỉ đạt 15.5% *(với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);*

- Dịch vụ và thủ tục cấp phép xây dựng:

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.974/2.5 điểm, tăng 0.03 điểm và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước.*** Nguyên nhân tăng điểm là do tỷ lệ người dân đánh giá việc đi làm thủ tục phải đi qua "nhiều cửa", gặp nhiều người mới làm xong thủ tục giảm hơn so với năm trước.

- Dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ở nội dung thành phần này, đo lường mức độ hiệu quả và chất lượng của dịch vụ và thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy CNQSD đất cho cá nhân và hộ gia đình, bao gồm cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ba cấp tỉnh, huyện và xã.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.77/2.5 điểm, giữ nguyên điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước.*** Người dân cảm nhận việc giải quyết thủ tục trên lĩnh vực này vẫn chưa được người dân hài lòng. Về nội dung này, tỉnh cần chỉ đạo cơ quan chuyên môn có những giải pháp trong việc cải thiện chất lượng dịch vụ cấp giấy CNQSD đất cho người dân.

- Dịch vụ hành chính cấp xã/phường: Nội dung thành phần này đo mức độ hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính cho người dân của UBND cấp xã/phường thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân hoặc hộ gia đình.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.85/2.5 điểm, giảm 0.1 điểm và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.***

Kết quả năm 2019 thấp hơn năm 2016, năm 2018 và giữ nguyên so với năm 2017; điều này cho thấy Chỉ số nội dung này biến động không ổn định qua từng năm, thể hiện người dân chưa thật sự hài lòng với chất lượng dịch vụ xử lý các thủ tục hành chính, bên cạnh đó cũng thể hiện yếu tố năng lực thực hiện công việc của một số công chức cấp xã/phường chưa được cải thiện.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Thủ tục hành chính công" qua 02 năm (2018-2019)

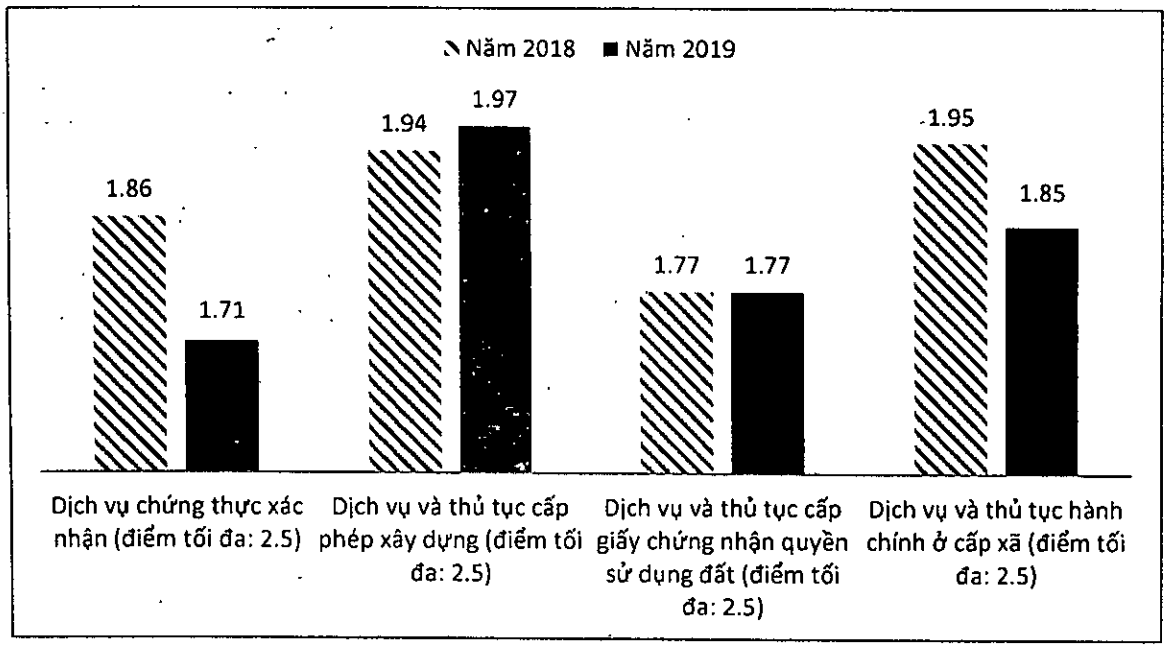

e) Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công.

Chỉ số nội dung này tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 04 dịch vụ công căn bản cho người dân, gồm: ***Y tế công lập; Giáo dục tiểu học công lập; Cơ sở hạ tầng căn bản và An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.*** Thông qua khảo sát, người dân chia sẻ trải nghiệm của mình về mức độ thuận tiện khi sử dụng dịch vụ công, chất lượng và mức độ sẵn có của các dịch vụ công căn bản ở cấp xã/phường, huyện/thành phố và cấp tỉnh.

Kết quả đánh giá năm 2019 ***đạt 7.66/10 điểm, xếp thứ 05/63 tỉnh và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước*** *(giảm 0.20 điểm và giảm 4 bậc so với năm 2018).* Trong đó, 01 nội dung thành phần tăng điểm *(Giáo dục tiểu học công lập); 01nội dung thành phần.*

Cụ thể như sau:

Y tế công lập: Nội dung thành phần này cho biết chất lượng dịch, thành phố vụ bệnh viện tuyến huyện/thành phố trực thuộc tỉnh và chất lượng bảo hiểm y tế từ góc độ của người sử dụng dịch vụ.

So với kết quả năm 2018, ***điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 đạt 2.05/2.5 điểm, giảm 0.05 điểm và thuộc nhóm trung bìnhcao của cả nước.*** Nguyên nhân giảm điểm là do người dân đánh giá những vấn đề về sử dụng thẻ bảo hiểm y tế khi đi khám chữa bệnh ít có tác dụng, người nghèo được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế, trẻ em dưới 6 tuổi khám chữa bệnh miễn phí,... Sự hài lòng với chất lượng dịch vụ do bảo hiểm y tế đem lại cho người dân có xu hướng giảm, ít được cải thiện hơn so với năm trước.

- Giáo dục tiểu học công lập: Những chỉ báo chính được dùng để đo lường chất lượng dịch vụ giáo dục tiểu học công lập bao gồm: khoảng cách từ nhà tới trường (tính theo đơn vị ki-lô-mét); quãng thời gian cần thiết để học sinh tiểu học đi tới trường (tính theo đơn vị phút); đánh giá chất lượng trường tiểu học trên thang điểm từ 0-5 điểm.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 2.06/2.5 điểm, tăng 0.12 điểm và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước***. Nguyên nhân tăng điểm là do một số trường tiểu học cơ bản đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu xác định trường đạt chuẩn quốc gia do ngành giáo dục đặt ra, như giáo viên không phân biệt đối xử giữa những học sinh tham gia các lớp học thêm do giáo viên tự tổ chức với những học sinh không tham gia, sĩ số lớp học không quá 36 học sinh, học sinh có nước uống hợp vệ sinh tại trường, nhà vệ sinh ở trường sạch sẽ và nhà trường công khai việc thu chi tiền xây dựng trường và học phí với phụ huynh học sinh.

- Cơ sở hạ tầng căn bản: Mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ hạ tầng căn bản *(điều kiện tiếp cận với điện lưới quốc gia, chất lượng đường sá, mức độ sẵn có của dịch vụ thu gom rác thải ở địa bàn khu dân cư, và chất lượng nước sử dụng cho ăn uống của hộ gia đình)* do chính quyền địa phương cung ứng được thể hiện qua các thước đo ở nội dung này.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 2.11/2.5 điểm, giữ nguyên điểm và thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước.***

Nguyên nhân là do người dân đánh giá việc tiếp cận các dịch vụ này vẫn chưa được thuận lợi hơn năm trước.

- An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư: Tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư được đo lường được đánh giá như: mức độ an ninh ở địa bàn khu dân cư; thay đổi về mức độ an ninh qua 03 năm và tỷ lệ người dân là nạn nhân của một hoặc một số trong bốn loại hình tội phạm an ninh, trật tự *(gồm bị mất trộm phương tiện đi lại, bị cướp giật, bị trộm đột nhập vào nhà, bị hành hung).*

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.45/2.5 điểm, giảm 0.08 điểm và thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.***

Kết quả năm 2019 chỉ số nội dung thành phần này cao điểm hơn trong hai năm 2016 - 2017, nhưng thấp điểm hơn năm 2018. Điều này cho thấy người dân chưa thật sự hài lòng với chất lượng dịch vụ giáo dục công đem lại cho con em họ khi đến trường và dịch vụ bảo hiểm y tế đem lại cho họ, người dân cảm thấy ít an toàn về điều kiện an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư thấp hơn so với trước đây.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Cung ứng dịch vụ công" qua 02 năm (2018-2019)

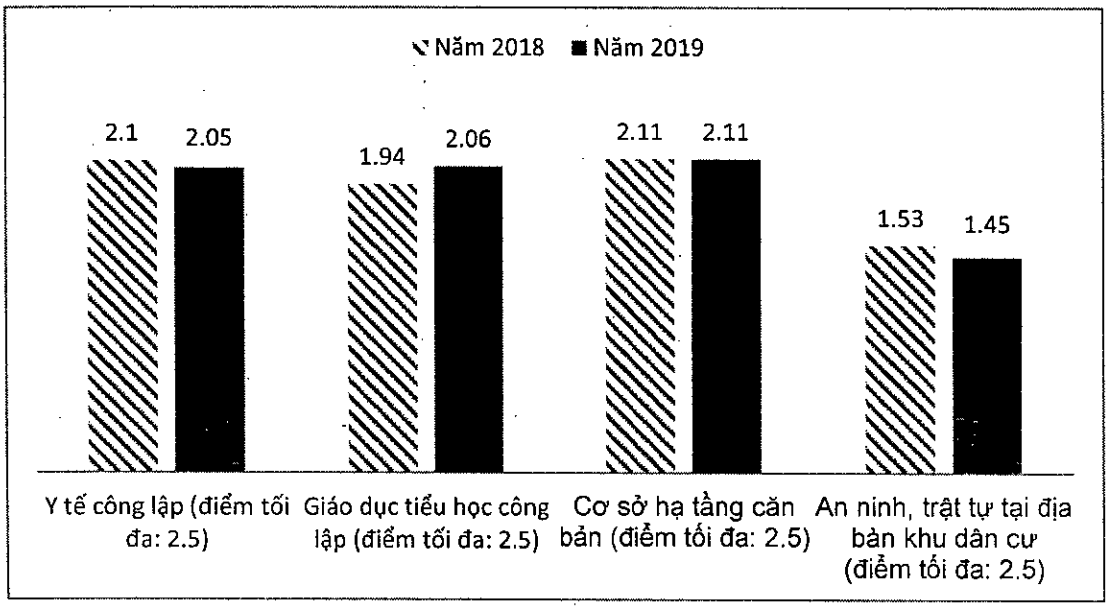

g) Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường.

Chỉ số nội dung "Quản trị môi trường" được đưa vào Chỉ số PAPI năm 2018, nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về vấn đề môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe con người: nguyên túc bảo về môi trường của chính quyền; chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: tỷ lệ người trả lời cho biết về chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt nơi cư trú. Ngoài ra, chỉ số nội dung này còn bao gồm chỉ tiêu phản ánh những phát hiện của người dân về hiện tượng dự án hoặc doanh nghiệp đầu tư vào địa phương của họ trốn nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận ***đạt 3.8/10 điểm, xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố*** *(giảm 1.07 điểm, tăng 1 bậc so với năm 2018)* ***thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước.*** Trong đó, 01 nội dung thành phần tăng điểm *(chất lượng*

không khí), 02 nội dung thành phần giảm điểm *(Nghiêm túc bảo vệ môi trường; Chất lượng nước)*. Cụ thể như sau:

- Nghiêm túc bảo vệ môi trường: Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố môi trường, doanh nghiệp tại địa phương có trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, bảo về môi trường có được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá. So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.07/3.3 điểm, giảm 1.05 điểm so với năm 2018, thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước.***

- Chất lượng không khí: Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt, chất lượng không khí ở địa phương chưa thay đổi nhiều so với 3 năm trước. So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 0.58/3.3 điểm, tăng 0.03 điểm so với năm 2018, thuộc nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước.*** Nguyên nhân tăng điểm là do người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt, chất lượng không khí ở địa phương chưa có sự thay đổi gì so với 3 năm trước.

- Chất lượng nước: Tỷ lệ người dân được hỏi về nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống, để giặt giũ, bơi lội. So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 1.07/3.3 điểm, giảm 0.06 điểm so với năm 2018, thuộc nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước.*** Chỉ số nội dung thành phần này cho thấy người dân chưa hài lòng với chất lượng nguồn nước để sử dụng cho việc ăn uống, giặt giũ và bơi bội. Chất lượng nguồn nước vẫn là vấn đề người dân lo ngại nhất. Cụ thể:

+ Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống chỉ đạt 4.27% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ chỉ đạt 9.14% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%).

Chỉ số nội dung Quản trị môi trường được đưa vào đánh giá năm 2018, kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh giảm điểm so với năm 2018. Nguyên nhân giảm điểm là do người dân cảm thấy chính quyền chưa nghiêm túc trong việc xử lý các vấn đề về môi trường, họ chưa hài lòng về cách xử lý sự cố môi trường, chưa thật sự tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn dân cư và người dân chưa hài lòng với chất lượng nguồn nước để sử dụng cho việc ăn uống, giặt giũ và bơi bội. Chất lượng nguồn nước vẫn là vấn đề người dân lo ngại nhất. Đây là tiêu chí thành phần bị giảm điểm nhiều nhất trong các chỉ số nội dung ***(điểm giảm trung bình chung của cả 8 Chỉ số nội dung là 2.16 điểm, riêng chỉ số nội dung thành phần này giảm 1.07 điểm).***

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Quản trị môi trường" qua 02 năm (2018-2019)

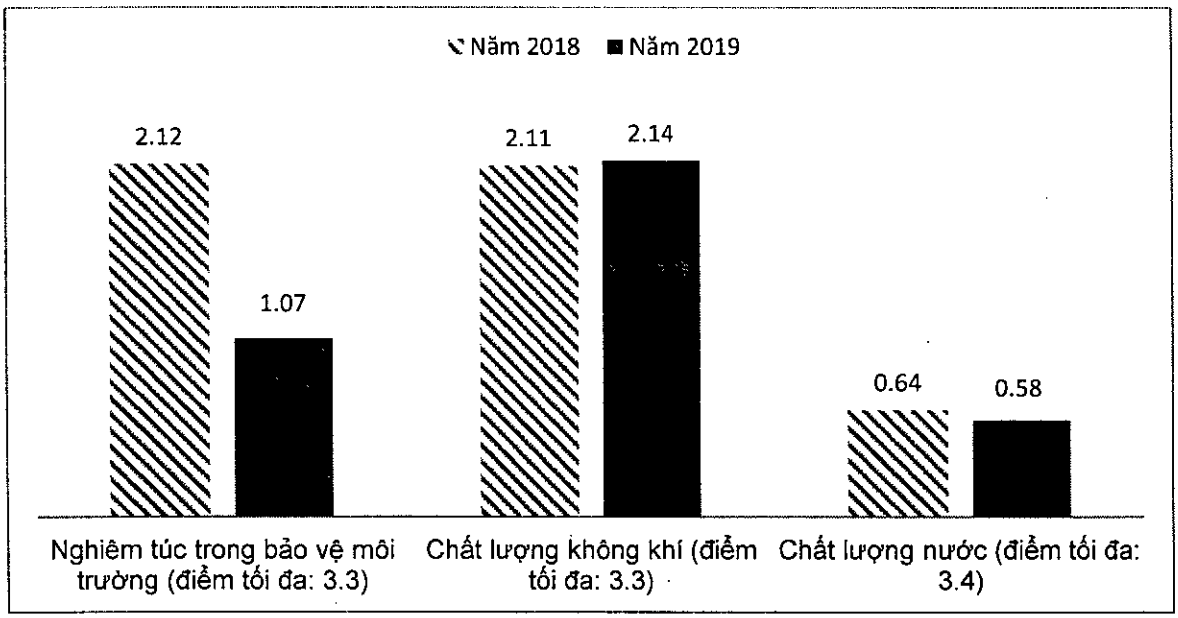

h) Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử .

Chỉ số này cho biết đánh giá của người dân về hai khía cạnh mang tính tương tác của Chính phủ điện tử: mức độ sẵn có và sử dụng dịch vụ công trực tuyến do chính quyền cung cấp. Các tiêu chí cấu thành chỉ số nội dung này giúp cung cấp thông tin về độ sẵn có của cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương, tiếp cận thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách người dân cần tuân thủ và điều kiện sử dụng Internet của người dân – môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử - khi muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử. Đây là cơ sở ban đầu giúp các cấp chính quyền xem xét điều kiện khả thi cho việc phát triển chính phủ điện tử tại địa phương, hướng tới xây dựng chính quyền chủ động tương tác với người dân qua nền tảng Internet trong cả ba khâu: xây dựng, thực thi và giám sát thực thi chính sách.

Kết quả đánh giá năm 2019 ***đạt 2.22/10 điểm, xếp thứ 58/63 và thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước (giảm 0.17 điểm, giảm 6 bậc so với năm 2018)***. Tất cả các tỉnh, thành phố đều chưa được đánh giá tốt trong cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trực tuyến thông qua Cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương. Tỉnh Ninh Thuận là 1 trong 6 địa phương đạt điểm thấp nhất toàn quốc. Cụ thể như sau:

- Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương: Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận, khi làm thủ tục cấp phép xây dựng, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

So với kết quả năm 2018, điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 ***đạt 0.36/3.3 điểm, giảm 0.17 điểm, thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước. Đây là tiêu chí thành phần đạt trọng số điểm thấp chỉ 0.36/3.3 điểm.*** Cụ thể:

+Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp phép xây dựng đạt 0% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận đạt 1.14% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đạt 1,87% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

- Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương: Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet và có kết nối Internet tại nhà. Điều này thể hiện mức độ sẵn có và sử dụng dịch vụ công do chính quyền cung cấp, điều kiện sử dụng Internet của người dân, môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử, khi muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử.

Điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận ***đạt 1.52/3.3 điểm, giảm 0.62 điểm, thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Cụ thể:

+ Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet đạt 35.09% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%);

+ Tỷ lệ người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà 45.21% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%).

- Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử: *Nội dung thành phần này được bổ sung trong năm 2019 với nội dung (việc gửi câu hỏi tới chính quyền địa phương thông qua mục "Hỏi - Đáp trực tuyến" trên cổng thông tin điện tử và đã nhận được phúc đáp của chính quyền địa phương sau khi gửi câu hỏi qua mục "Hỏi-Đáp trực tuyến).*

Điểm số nội dung thành phần này trong năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận ***đạt 0.33/3.4 điểm – tiêu chí thành phần đạt trọng số điểm thấp nhất chỉ 0.35/3.4 điểm, thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước.*** Cụ thể:

+ Tỷ lệ người trả lời đã gửi câu hỏi tới chính quyền địa phương thông qua mục "Hỏi-Đáp trực tuyến" trên cổng thông tin điện tử chỉ đạt 0% (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%).

+ Tỷ lệ người trả lời đã nhận được phúc đáp của chính quyền địa phương sau khi gửi câu hỏi qua mục Hỏi-Đáp trực tuyến đạt 60.67 % (với tỷ lệ chung từ 0% - 100%). Điều này thể hiện người dân đã nhận được phúc đáp, phản hồi của chính quyền địa phương đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử.

Chỉ số nội dung này được đưa vào đánh giá năm 2018, kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh giảm điểm so với năm 2018. Điều này thể hiện mức độ sẵn có và sử dụng dịch vụ công do chính quyền cung cấp, điều kiện sử dụng Internet của người dân, môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử, khi muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử để người dân tương tác với chính quyền không cao.

Kết quả đạt được trên các nội dung thành phần trong Chỉ số nội dung "Quản trị điện tử cấp tỉnh" qua 02 năm (2018-2019)

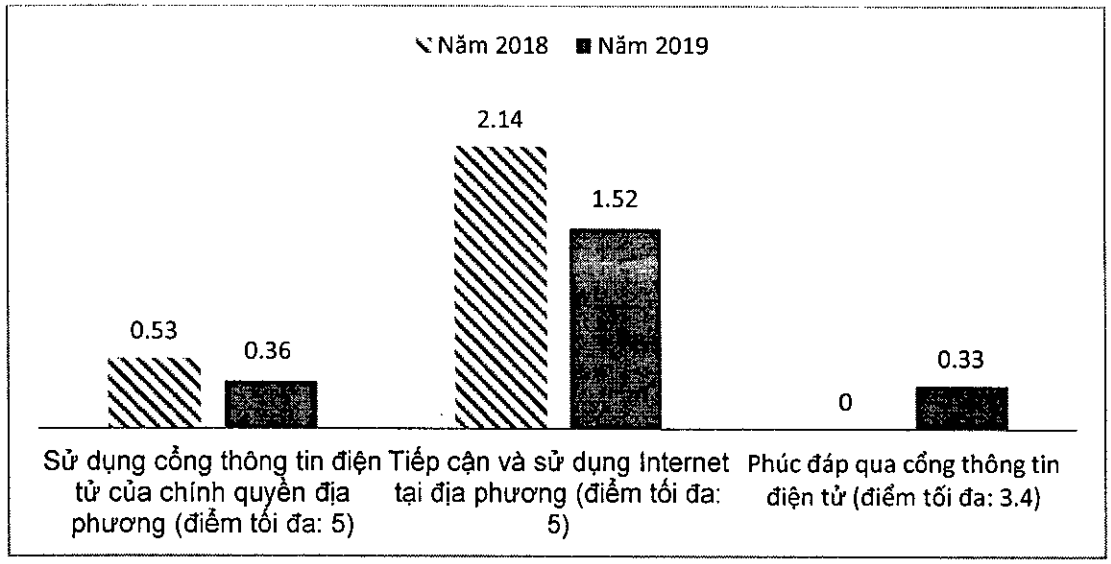

III. Kết quả Chỉ số PAPI qua các năm

1. Bảng số liệu kết quả Chỉ số PAPI qua các năm 2018-2019:

(Cụ thể nêu tại Phụ lục 1 đính kèm)

2. Bảng số liệu kết quả PAPI qua các năm 2016-2019:

(Cụ thể nêu tại Phụ lục 2 đính kèm)

3. Nguyên nhân hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Trình độ dân trí ở một số nơi còn thấp, một số người dân được khảo sát (*xã Lương Sơn – huyện Ninh Sơn, xã Lợi Hải, xã Phước Chiến – huyện Thuận Bắc)* là người dân tộc thiểu số *(người dân ít quan tâm đến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà, các thông tin, thời sự trong nước)*; đồng thời điều kiện kinh tế người dân tại một số địa phương còn nhiều khó khăn, mang nét phong tục tập quán riêng nên việc tiếp cận các thông tin đại chúng còn hạn chế *(thông tin từ tivi, báo, đài...);*

- Việc tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin một số người dân, đặc biệt là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế như: khả năng truy cập, tiếp cận và khai thác thông tin trên internet và sử dụng Cổng thông tin điện tử của người dân địa phương trong việc thực hiện lấy thông tin, biểu mẫu khi giao dịch hành chính như *(chứng thực, xác nhận, thủ tục cấp giấy phép xây dựng và thủ tục cấp giấy CNQSDĐ)*;

- Tâm lý người dân còn e ngại, hoặc trả lời không rõ nội dung các câu hỏi khảo sát *(trả lời không có hoặc không biết để trả lời nhanh câu hỏi khác).*

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt:

+ Công tác tuyên truyền các Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền các chương trình, dự án, quy hoạch của địa phương... chưa phát huy hiệu quả ở các thôn, khu phố, còn nhiều hạn chế, chưa được thường xuyên, liên tục và linh hoạt, dẫn đến một số người dân khó tiếp cận được thông tin;

+ Một số cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là cấp cơ sở chưa hiểu rõ về chỉ số PAPI, chưa thật sự quan tâm chỉ đạo và coi trọng hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; chưa tạo điều kiện để thành viên Ban thanh tra nhân dân đủ mạnh dạn phản ánh những thiếu sót qua kết quả giám sát.

- Về cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC):

+ Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; chưa hiểu hết mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ số PAPI trong hoạt động quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và chính quyền các cấp.

+ Một bộ phận CBCCVC ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ chưa cao, chất lượng đội ngũ CBCC cấp cơ sở có nơi còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách, chưa đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao nên kết quả giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng nhu cầu mong muốn của tổ chức, cá nhân, để người dân còn phải đi lại nhiều lần.

+ Việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân chưa thật sự khéo léo, hài hòa, chưa giải đáp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, khúc mắc của người dân kịp thời, đầy đủ.

+ Việc giải trình, tiếp xúc và tương tác với người dân của CBCC ở các cấp chính quyền địa phương, với trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, hoặc thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, các cuộc gặp định kỳ tiếp xúc ở cả hai cấp (thôn/tổ dân phố và UBND xã/phường) chưa được người dân đánh giá cao, chưa đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Việc giải quyết khiếu nại, khuất mắc và những tố cáo chưa được giải quyết và trả lời thỏa đáng cho người dân.

- Việc triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở nhiều nơi còn hình thức, công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các đoàn thể và Ban Thanh tra nhân dân trong triển khai thực hiện quy chế dân chủ chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên.

- Việc chính quyền địa phương chưa nghiêm túc trong giải quyết sự cố môi trường, bảo vệ môi trường và chưa được người dân yên tâm, hài lòng về cách xử lý sự cố môi trường ở địa phương, trong việc đảm bảo và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn dân cư.

- Việc tiếp cận sử dụng Internet và sử dụng Cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương chưa được người dân sẵn sàng và sử dụng dịch vụ công do chính quyền cung cấp, môi trường thiết yếu để người dân tham gia, muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử còn rất thấp, tỉnh Ninh Thuận là 1 trong 6 địa phương đạt điểm thấp nhất toàn quốc.

- Xuất phát điểm của tỉnh còn nghèo, kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường công lập và các cơ sở y tế, đường bê tông nông thôn và hệ thống nước sạch tại các xã trên địa bàn hạn chế do ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn.

IV. Một số giải pháp chủ yếu để tiếp tục duy trì và nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI) trong thời gian tới

1. Giải pháp chung:

- Nâng cao nhận thức của từng CBCCVC về vai trò của Chỉ số PAPI đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; từ đó tăng cường hành động, tạo sự chuyển biến đồng bộ, chặt chẽ, quyết liệt trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh trong thời gian đến.

- Luôn luôn chú trọng tinh thần đổi mới, hành động mang lại hiệu quả thiết thực; đưa việc thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI trở thành nhiệm vụ thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị; gắn việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAPI với công tác thi đua khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, CBCCVC.

- Chú trọng lắng nghe và thường xuyên đối thoại với người dân, doanh nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho chính quyền cơ sở theo phương châm *"tận tâm, tận tình, cầm tay chỉ việc"*.

2. Về những giải pháp cụ thể đối với từng trục nội dung:

a) Đối với nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở":

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trong đội ngũ CBCC và nhân dân về Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải triển khai thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia thực hiện theo quy định;

- Các ngành, các cấp tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện ở cấp cơ sở; tăng cường thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tuyên truyền, vận động để người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và đồng thuận, tích cực thực hiện các khoản đóng góp tự nguyện.

b) Đối với nội dung "Công khai, minh bạch":

- Thực hiện quy trình điều tra, rà soát, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hằng năm đúng quy định, đảm bảo đúng đối tượng thuộc diện hộ nghèo;

- Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố. Xử lý nghiêm những trường hợp thực hiện không đúng các quy định về chính sách cho hộ nghèo;

- Các dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương phải tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân sở tại. Thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện hành trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và tại trụ sở UBND cấp xã. Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất. Phải công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất Công khai kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư;

- Thông qua Đài Truyền thanh huyện, hệ thống loa truyền thanh ở các thôn, khu phố để công khai, minh bạch thông tin đến người dân về danh sách hộ nghèo, thu, chi ngân sách các xã, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đền bù.

c) Đối với nội dung "Trách nhiệm giải trình với người dân":

- Nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền với người dân, thực hiện tốt việc tiếp công dân theo quy định để kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, định kỳ tổ chức đối thoại với nhân dân. Tạo điều kiện và tăng cường sự góp ý của người dân để xây dựng chính quyền.

- Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân của chính quyền các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tập trung giải quyết có hiệu quả những khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ, quy định của pháp luật và các quy trình cơ bản cho Ban Thanh tra nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

d) Đối với nội dung "Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công":

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để CBCCVC biết thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hàng năm của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hiện tốt việc bảo vệ người dân khi tố cáo hành vi tiêu cực của CBCCVC.

- Công khai đầy đủ các quy định về thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho CBCC gắn với việc xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, thi nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tin báo phản ánh tham nhũng, các vụ việc tham nhũng. Công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra cũng như việc chấp hành kết luận thanh tra, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị để tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát việc xử lý của cơ quan chức năng đối với hành vi tham nhũng.

e) Đối với nội dung "Thủ tục hành chính công":

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách TTHC; kiến nghị cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân.

Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên website của các cơ quan, đơn vị.

- Công khai, minh bạch phí dịch vụ; trả kết quả giải quyết TTHC. Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Chú trọng nâng cao năng lực và kỹ năng ứng xử cho đội ngũ công chức cấp xã/phường, thị trấn trong cung ứng dịch vụ cho người dân.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức; tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4. Phát huy hiệu quả của Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh.

f) Đối với nội dung "Cung ứng dịch vụ công":

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công.

- Cải thiện chất lượng giáo dục: Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy học cho các trường; Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức.

- Tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản: Từng bước thực hiện bê tông hóa các tuyến đường ở nông thôn để phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh của nhân dân. Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Thực hiện tốt dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, nước thải.

- Giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư: Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy.

g) Đối với nội dung Quản trị môi trường:

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ môi trường, chú ý đến những vấn đề môi trường người dân quan ngại.

- Tăng cường tuyên truyền người dân trong việc nghiêm túc bảo vệ môi trường, chất lượng không khí, chất lượng nguồn nước sinh hoạt.

- Cần phải có cơ chế phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, huy động người dân tham gia cải thiện điều kiện môi trường tại khu dân cư.

h) Đối với nội dung Quản trị điện tử cấp tỉnh:

- Tăng cường tuyên truyền người dân sử dụng Cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương và lấy thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương; khuyến khích người dân sử dụng Internet và tiếp cận các thông tin trong nước qua Internet.

- Cần đổi mới giao diện Cổng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo liên thông giữa các ngành và địa phương trên môi trường trực tuyến nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến ngày càng cao của người dân, tạo thân thiện với người dùng để người dân được biết, cập nhật và sử dụng thường xuyên hơn.

- Tuyên truyền người dân về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc gửi câu hỏi tới chính quyền địa phương thông qua mục *"Hỏi - Đáp trực tuyến"* trên cổng thông tin điện tử tỉnh.

V. Phân công tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được khảo sát *(Thành phố Phan rang – Tháp Chàm; các huyện Ninh Sơn, Thuận Bắc)*: Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở Báo cáo kết quả của Chỉ số PAPI phân tích, đánh giá những mặt làm được, những mặt còn hạn chế, xây dựng kế hoạch cụ thể, có lộ trình, giải pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh trong thời gian tới, báo cáo (thông qua Sở Nội vụ) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để có giải pháp triển khai trên toàn tỉnh.

- Quan tâm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể CBCCVC về nội dung Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PAPI tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm quan trọng của Chỉ số PAPI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh.

- Rà soát, đề xuất tham mưu UBND tỉnh đơn giản hóa thành phần hồ sơ và cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực - đặc biệt là lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp. Niêm yết công khai các TTHC và thực hiện triệt để việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, giải quyết TTHC đúng quy trình và thời gian quy định.

- Tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại, tạo điều kiện để người dân được tham gia đối thoại tại cấp cơ sở và đóng góp ý kiến về các vấn đề bức xúc của người dân. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo hướng đi vào thực chất, đảm bảo đúng các lĩnh vực *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*.

- Qua kết quả phân tích những nội dung thành phần còn thấp điểm; đề nghị các địa phương được chọn khảo sát trong năm 2019 (cũng như các địa phương khác có thể được chọn khảo sát trong thời gian tới) cần rà soát, chỉ đạo tăng cường các nội dung liên quan để cải thiện các chỉ số trong thời gian tới.

2. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh; phân bổ kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và Ban Thanh tra nhân dân hàng năm và hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

3. Sở Xây dựng: Tham mưu UBND tỉnh hoàn thành các quy hoạch chi tiết và tham mưu các giải pháp để triển khai thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng, thường xuyên công khai và kiểm tra quy định thực hiện quy trình cấp phép xây dựng; tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nước sinh hoạt đô thị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; nhất là khi có sự điều chỉnh quy hoạch, đa dạng các kênh thông tin để người dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời xử lý các hành vi không tuân thủ cam kết bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước sâu rộng trong nhân dân để nâng cao nhận thức trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào kiểm soát, giám sát ô nhiễm môi trường; Nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề sử dụng nguồn nước.

5. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn, hội thảo, hướng dẫn giúp người dân hiểu rõ tác hại của việc gây ô nhiễm nguồn nước. Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, từng bước giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải trong giết mổ, sơ chế và chế biến động vật, sản phẩm động vật... Qua đó, từng bước nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nông thôn.

6. Sở Y tế: Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp cụ thể, đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của ngành, cải tiến quy trình khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin ngành y tế nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

7. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; ưu tiên bố trí nguồn lực giáo dục cho các vùng còn nhiều khó khăn hoặc quá tải, nhất là các khu vực hiện nay có tốc độ đô thị hóa nhanh, đông dân cư và điều kiện sinh hoạt còn thấp; nghiên cứu đẩy mạnh xã hội hoá các cơ sở giáo dục có khả năng xã hội hoá cao để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Công khai, minh bạch trong luân chuyển, tiếp nhận, phân công giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

8. Thanh tra tỉnh: Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

9. Công an tỉnh: Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy; đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nhằm huy động sự tham gia tích cực của toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm và ma túy trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Thuận, Báo Ninh Thuận, các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo, định hướng đối với Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện và cơ sở tuyên truyền các nội dung về Chỉ số PAPI; đồng thời đưa tin, bài

phản ánh về kết quả triển khai thực hiện đến nhân dân biết để tích cực hưởng ứng và kiểm tra, giám sát.

- Tăng cường tuyên truyền người dân sử dụng Cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương; khuyến khích người dân sử dụng Internet và tiếp cận các thông tin trong nước qua Internet. Thường xuyên đổi mới giao diện để cổng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo liên thông giữa các ngành và địa phương trên môi trường trực tuyến nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến ngày càng cao của người dân.

11. Giao Sở Nội vụ:

- Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung nâng cao Chỉ số PAPI và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lồng ghép nội dung bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức về Chỉ số PAPI vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm của UBND tỉnh và tổ chức mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn; tham mưu UBND tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện nâng cao Chỉ số PAPI nhằm phân tích, đánh giá những mặt được và những mặt còn yếu kém để tiếp tục đề ra các giải pháp khắc phục.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý nghiêm các CBCC có biểu hiện và hành vi tiêu cực, những nhiễu trong trong thực thi, cung cấp các dịch vụ công cho người dân.

- Trên cơ sở kết quả Chỉ số PAPI năm 2019, phối hợp cùng các đơn vị, địa phương tìm hiểu các mô hình, cách làm hay ở các tỉnh, thành phố có chỉ số PAPI cao, tham mưu UBND tỉnh có giải pháp áp dụng, học tập để triển khai trên toàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ CBCCVC có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh.

12. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tăng cường các giải pháp kiểm soát TTHC, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc niêm yết công khai TTHC theo quy định; tiến hành kiểm tra, rà soát các TTHC để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không phù hợp với pháp luật do các cấp chính quyền ban hành. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân.

14. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Quan tâm, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về nội dung Chương trình hành động nâng cao hiệu quả quản

trị và hành chính công tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm quan trọng của Chỉ số PAPI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh.

VI. Kiến nghị:

Nhằm đảm bảo việc khảo sát Chỉ số PAPI năm 2019 của tỉnh Ninh Thuận được thực hiện theo đúng quy định, khách quan, thuận lợi cho cá nhân tham gia điều tra; Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT) trong quá trình triển khai thực hiện điều tra, khảo sát Chỉ số PAPI năm 2019 cụ thể như sau:

- Đề nghị tinh gọn bảng câu hỏi trong Bộ Chỉ số nhằm rút ngắn thời gian tiến hành phỏng vấn đối với cá nhân (*từ 10-15 phút/trường hợp là phù hợp)*;

- Đối với câu hỏi về nội dung **"Quản trị môi trường"** điều tra viên cần giải thích rõ để người dân hiểu và lựa chọn phương án trả lời tối ưu; như câu hỏi **"việc sử dụng nguồn nước từ sông, kênh, rạch, suối gần nhà để uống".** Nếu trả lời "không sử dụng nguồn nước từ sông, kênh, rạch, suối gần nhà để uống" thì sẽ phát sinh 02 nghĩa là *"nguồn nước quá bẩn không thể sử dụng để uống"* (nghĩa tiêu cực) hoặc *"tất cả người dân đều sử dụng nguồn nước máy (nước sạch) để uống"* (nghĩa tích cực).

- Đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số cần bố trí đảm bảo đủ phiên dịch trong quá trình phỏng vấn nhằm phản ánh đầy đủ, chuẩn xác tâm tư, nguyện vọng của người được phỏng vấn.

Nơi nhận:
- TT: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (b/c);
- TT Bồi dưỡng CB&NCKH, MTTQVN (b/c);
- CECODES thuộc LHHKHKT Việt Nam (b/c);
- UNDP tại Việt Nam (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, CV Khối NCTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

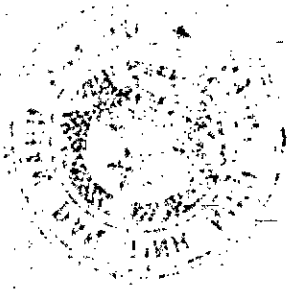

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
Đánh giá chỉ số PAPI trên các chỉ số nội dung thành phần năm 2019

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 05/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
1	**Tham gia của người dân ở cấp cơ sở**	1	10	*5.39*	**30/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	*5.31*	*-0,08 (tăng 17 bậc)*	**13/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	
a)	Tri thức công dân *(hiểu biết về các chính sách và sự hiểu biết về vị trí các lãnh đạo,...)*	*0.25*	*2.5*	0.96	Nhóm đạt điểm thấp nhất	0.75	*-0.21*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	UBND xã, phường, thị trấn
b)	Cơ hội tham gia *(tham gia vào các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể và việc bầu cử đại biểu HĐND, bầu trưởng thôn hay bầu tổ trưởng tổ dân phố,...)*	*0.25*	*2.5*	1.61	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.59	*-0.02*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	
c)	Chất lượng bầu cử cấp cơ sở *(người dân được mời đi bầu cử, được biết về hình thức bầu cử, được biết kết quả bầu cử,...);*	*0.25*	*2.5*	1.63	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.46	*-0.27*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	
d)	Đóng góp tự nguyện *(xây dựng, tu sửa công trình công cộng,...)*	*0.25*	*2.5*	1.19	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.51	*+ 0.32*	Nhóm cao nhất	

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
2	**Công khai minh bạch**	**1**	**10**	***5.36***	**26/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp**	***5.3***	***- 0.06 (giảm 10 bậc)***	**36/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp**	
a)	Tiếp cận thông tin *(người dân được biết và được kiểm tra thông tin về chính sách, pháp luật ở địa phương,...)*			0.80	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	0.83	*+0.03*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	UBND xã, phường, thị trấn
b)	Danh sách hộ nghèo	*0.33*	*3.3*	1.74	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.85	*+0.11*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	
c)	Thu, chi ngân sách cấp xã	*0.33*	*3.3*	1.37	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.37	*0*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	
d)	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất *(có dịp tham gia ý kiến, có bị ảnh hưởng quy hoạnh, được đền bù,...)*	*0.34*	*3.4*	1.45	Nhóm đạt điểm cao nhất	1.26	*-0.19*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	
3	**Trách nhiệm giải trình với người dân**	**1**	**10**	***5.02***	**22/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	***4.49***	***-0.53 (giảm 38 bậc)***	**60/63 Nhóm đạt điểm thấp nhất**	
a)	Tương tác với các cấp chính quyền *(liên hệ khi giải quyết các khúc mắc và kết quả giải quyết của các cấp chính quyền)*	*0.33*	*3.3*	2.03	Nhóm đạt điểm cao nhất	1.78	*-0.25*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	UBND xã, phường, thị trấn
b)	*Giải quyết khiếu nại, tố giác của người dân*	*0.33*	*3.3*	1.00	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	0.77	*-0.23*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	
c)	Tiếp cận dịch vụ tư pháp *(người dân có tin vào tòa án*	*0.34*	*3.4*	1.98	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.94	*-0.04*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
	và cơ quan tư pháp địa phương khi có tranh chấp)								
4	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	**1**	**10**	***6.91***	**12/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	***7.18***	***+0.27 (tăng 01 bậc)***	**11/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	
a)	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền *(chi trả cho cán bộ khi làm các thủ tục về chứng thực, xác nhận, đất đai, xây dựng,...)*	*0.25*	*2.5*	1.69	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.9	*+0.21*	Nhóm đạt điểm cao nhất	Các Sở, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
b)	Cung ứng dịch vụ công *(chi tiền thêm khi khám chữa bệnh và khi con e vào tiểu học để được quan tâm,...)*	*0.25*	*2.5*	2.11	Nhóm đạt điểm cao nhất	2.15	*+0.04*	Nhóm đạt điểm cao nhất	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
c)	Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công *(vào cơ quan nhà nước có cần phải lót tay, hay có mối quan hệ với người có chức quyền,...)*	*0.25*	*2.5*	1.17	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.24	*+0.07*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Sở Nội vụ; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
d)	Quyết tâm chống tham nhũng *(xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, hay người dân phải chung chi khi đi điều trị tuyến trên, hay bị vòi vĩnh khi làm các thủ tục sổ đỏ,...)*	*0.25*	*2.5*	1.94	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.9	*-0.04*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	UBND tỉnh; các Sở, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
5	**Thủ tục hành chính công**	**1**	**10**	***7.53***	**17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	***7.3***	***-0.23 (giảm 22 bậc)***	**39/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp**	

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
a)	Dịch vụ chứng thực xác nhận *(về chất lượng dịch vụ chứng thực và mức độ hài lòng dịch vụ người dân nhận được)*	*0.25*	*2.5*	1.86	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.71	*-0.15*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	UBND xã, phường, thị trấn
b)	Dịch vụ và thủ tục cấp phép xây dựng	*0.25*	*2.5*	1.94	Nhóm đạt điểm cao nhất	1.97	*+0.03*	Nhóm đạt điểm cao nhất	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
c)	Dịch vụ và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	*0.25*	*2.5*	1.77	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.77	*0*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND xã, phường, thị trấn
d)	Dịch vụ và thủ tục hành chính ở cấp xã	*0.25*	*2.5*	1.95	Nhóm đạt điểm trung bình cao	1.85	*-0.1*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	UBND xã, phường, thị trấn
6	**Cung ứng dịch vụ công**	**1**	**10**	**7.68**	**1/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	**7.66**	***-0.02 (giảm 4 bậc)***	**5/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	
a)	Y tế công lập *(người dân được hỏi có thẻ BHYT, người nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT, trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh,..).*	*0.25*	*2.5*	2.10	Nhóm đạt điểm cao nhất	2.05	*-0.05*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Sở Y tế
b)	*Giáo dục tiểu học công lập (quãng đường các e đi bộ đến trường, chất lượng dạy học và chất lượng trường ở địa phương).*	*0.25*	*2.5*	1.94	Nhóm đạt điểm cao nhất	2.06	*+0.12*	Nhóm đạt điểm cao nhất	Sở Giáo dục và Đào tạo
c)	Cơ sở hạ tầng căn bản *(về chất lượng người nước, sử dụng*	*0.25*	*2.5*	2.11	Nhóm đạt điểm	2.11	*0*	Nhóm đạt điểm cao	UBND huyện; thành

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
	nước máy, dịch vụ thu gom rác thải, về loại đường giao thông).				cao nhất			nhất	phố; UBND xã, phường, thị trấn
d)	An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư *(có bị mất trộm cắp, cướp giật, mất an toàn khi đi 1 mình trong đêm,...).*	*0.25*	*2.5*	1.53	Nhóm đạt điểm cao nhất	1.45	*-0.08*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Công an tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
7	**Quản trị môi trường**	***1***	***10***	**4.87**	**17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	**3.8**	**-1.07 (tăng 01 bậc)**	**16/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	
a)	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường *(chính quyền đã giải quyết sự cố môi trường, doanh nghiệp có trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, môi trường có được ưu tiên hơn phát triển kinh tế,...).*	*0.33*	*3.3*	2.12	Nhóm đạt điểm cao nhất	1.07	*-1.05*	Nhóm đạt điểm trung bình cao	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấnv
b)	Chất lượng không khí *(đánh giá chất lượng không khí ở địa phương có tốt hơn 3 năm trước, đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm môi trường).*	*0.33*	*3.3*	2.11	Nhóm đạt điểm cao nhất	2.14	*+0.03*	Nhóm đạt điểm cao nhất	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
c)	Chất lượng nước *(người dân được hỏi về nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống, để giặt giũ, bơi lội).*	*0.34*	*3.4*	0.64	Nhóm đạt điểm trung bình cao	0.58	*-0.06*	Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
8	**Quản trị điện tử cấp tỉnh**	**1**	**10**	**2.67**	**52/63 Nhóm đạt điểm**	**2.22**	**-0.45 *(giảm 6 bậc)***	**58/63 Nhóm đạt điểm**	

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2018		Năm 2019			Đơn vị phụ trách
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Tăng, giảm so với năm 2018	Xếp hạng	
					thấp nhất			**thấp nhất**	
a)	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương *(việc sử dụng thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận, khi làm thủ tục cấp phép xây dựng, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).*	*0.33*	*3.3*	0.53	Nhóm đạt điểm thấp nhất	0.36	*-0.17*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì và các sở ban ngành, địa phương
b)	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương *(việc tiếp cận tin tức trong nước qua Internet và có kết nối Internet tại nhà).*	*0.33*	*3.3*	2.14	Nhóm đạt điểm thấp nhất	1.52	*-0.62*	Nhóm đạt điểm thấp nhất	UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn
c)	Phúc đáp qua cổng thông tin điện tử *(việc gửi câu hỏi tới chính quyền địa phương thông qua mục "Hỏi-Đáp trực tuyến" trên cổng thông tin điện tử và đã nhận được phúc đáp của chính quyền địa phương sau khi gửi câu hỏi qua mục "Hỏi-Đáp trực tuyến).*	*0.33*	*3.4*	**Năm 2018 chưa đưa vào đánh giá.**		0.33	-	Nhóm đạt điểm thấp nhất	Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì và các sở ban ngành, địa phương
	Tổng cộng			**45.42**	**13/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	**43.26**	***-24 bậc so với năm 2018***	**37/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
Đánh giá chỉ số PAPI trên các chỉ số nội dung năm 2016 - 2019

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 05 /6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	1	10	*5.47*	27/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	*5.08*	49/63 Nhóm đạt điểm thấp nhất	*5.39*	30/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	*5.31*	13/63 Nhóm đạt điểm cao nhất	Kết quả chỉ số thành phần này trong năm 2019 thấp hơn năm 2016 và năm 2018, cao hơn năm 2017. Điều này cho thấy sự tin tưởng của người dân vào hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban Giám sát đầu tư cộng đồng vẫn chưa cao.
2	Công khai minh bạch	1	10	*5.81*	23/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	*5.49*	40/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp	*5.36*	26/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp	*5.3*	36/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Kết quả Chỉ số nội dung này trong năm 2019 thấp nhất qua các năm từ 2016 - 2018. Nguyên nhân giảm điểm cho thấy việc công khai, minh bạch từ danh sách hộ nghèo, thông tin

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												thu, chi ngân sách cấp xã/phường, cũng như việc công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù đất, cơ hội đóng góp ý kiến của mình trước khi quy hoạch/kế hoạch được ban hành và có bị ảnh hưởng bởi quy hoạch không, Chỉ số nội dung này giảm so với các năm trước, điều này cho thấy nội dung này chưa được người dân tin tưởng và đánh giá cao.
3	**Trách nhiệm giải trình với người dân**	1	10	*4.70*	**43/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp**	*5.14*	**27/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	*5.02*	**22/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	*4.49*	**60/63 Nhóm đạt điểm thấp nhất**	Kết quả năm 2019 thấp nhất qua các năm từ 2016-2018. Điều này cho thấy người dân đánh giá mức độ tiếp xúc, tương tác giữa người dân và chính quyền ít hơn, hiệu quả của các cuộc tiếp xúc ở cả hai cấp (thôn/tổ dân phố và UBND xã/phường) thấp

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												hơn so với các năm trước, việc đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền của họ được tiếp nhận cũng thấp hơn so với trước đây, khuất mắc và những tố cáo của họ đã được giải quyết và trả lời chưa thỏa đáng.
4	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	1	10	*6.49*	**11/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	*6.64*	**14/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	*6.91*	**12/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	*7.18*	**11/63 Nhóm đạt điểm cao nhất**	Kết quả Chỉ số nội dung này tăng dần và giữ ổn định qua các năm từ năm 2016-2018. Điều này cho thấy người dân lạc quan hơn trong đánh giá về hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương. Tuy nhiên, vẫn có người dân cho biết đôi lúc họ vẫn bị vòi vĩnh, gây nhũng nhiễu và họ đánh giá mức độ nghiêm túc của chính quyền cấp tỉnh trong xử lý các vụ việc tham nhũng ở địa phương giảm so với năm trước và quyết tâm của người dân

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												trong việc tố giác các hành vi tham nhũng, vòi vĩnh của cán bộ chính quyền trầm lắng hơn năm trước.
5	**Thủ tục hành chính công**	1	10	*7.31*	12/63 Nhóm đạt điểm cao nhất	*7.30*	17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	*7.53*	17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	*7.3*	39/63 Nhóm đạt điểm trung bình thấp	Kết quả năm 2019 thấp hơn năm 2016, năm 2018 và giữ nguyên so với năm 2017; điều này cho thấy Chỉ số nội dung này biến động không ổn định qua từng năm, thể hiện mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ này giảm hơn trước, bên cạnh đó cũng thể hiện yếu tố năng lực thực hiện công việc của một số công chức cấp xã/phường chưa được cải thiện.
6	**Cung ứng dịch vụ công**	1	10	7.43	9/63 Nhóm đạt điểm cao nhất	7.28	17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao	7.68	1/63 Nhóm đạt điểm cao nhất	7.66	5/63 Nhóm đạt điểm cao nhất	Kết quả năm 2019 chỉ số nội dung thành phần này cao điểm hơn trong hai năm 2016 - 2017, nhưng thấp điểm hơn năm 2018. Điều này cho thấy người

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												dân chưa thật sự hài lòng với chất lượng dịch vụ giáo dục công đem lại cho con em họ khi đến trường và dịch vụ bảo hiểm y tế đem lại cho họ, người dân cảm thấy ít an toàn về điều kiện an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư so với trước đây.
7	**Quản trị môi trường**	*1*	*10*	**Chưa đưa vào khảo sát**				**4.87**	**17/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	**3.8**	**16/63 Nhóm đạt điểm trung bình cao**	Chỉ số nội dung Quản trị môi trường được đưa vào đánh giá năm 2018, kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh giảm điểm so với năm 2018. Nguyên nhân giảm điểm là do người dân cảm thấy chính quyền chưa nghiêm túc trong việc xử lý các vấn đề về môi trường, người dân chưa hài lòng với chất lượng nguồn nước để sử dụng cho việc ăn uống, giặt giũ và bơi lội. Chất lượng nguồn nước vẫn là

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												vấn đề người dân lo ngại nhất. Đây là tiêu chí thành phần bị giảm điểm nhiều nhất trong các chỉ số nội dung (điểm giảm trung bình chung của cả 8 Chỉ số nội dung là 2.16 điểm, riêng chỉ số nội dung thành phần này giảm 1.07 điểm).
8	**Quản trị điện tử cấp tỉnh**	1	10	**Chưa đưa vào khảo sát**				2.67	**52/63 Nhóm đạt điểm thấp nhất**	2.22	**58/63 Nhóm đạt điểm thấp nhất**	Chỉ số nội dung này được đưa vào đánh giá năm 2018, kết quả đánh giá năm 2019 của tỉnh giảm điểm so với năm 2018. Theo báo cáo tỉnh Ninh Thuận là 1 trong 6 địa phương đạt điểm thấp nhất toàn quốc. Điều này thể hiện mức độ sẵn có và sử dụng dịch vụ công do chính quyền cung cấp, điều kiện sử dụng Internet của người dân, môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử,

Số TT	Nội dung	Thang điểm		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh
		Tối thiểu	Tối đa	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
												khi muốn tiếp cận dịch vụ công điện tử để người dân tương tác với chính quyền không cao.

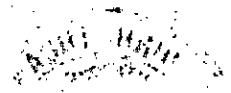

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3
PHƯƠNG HƯỚNG PHẤN ĐẤU NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI NĂM 2020 CỦA TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 05 /6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Năm 2019		Phương hướng phấn đấu năm 2020	
			Điểm số	Xếp hạng	Số điểm	Vị thứ
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	10	5.31	13/63	5.5	Top 25
2	Công khai minh bạch	10	5.3	36/63	5.5	Top 20
3	Trách nhiệm giải trình với người dân	10	4.49	60/63	5.2	Top 30
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	10	7.18	11/63	7.0	Top 15
5	Thủ tục hành chính công	10	7.3	39/63	7.8	Top 25
6	Cung ứng dịch vụ công	10	7,66	5/63	7,8	Top 10
7	Quản trị môi trường	10	3.8	16/63	4,2	Top 20
8	Quản trị điện tử cấp tỉnh	10	2.22	58/63	3.2	Top 35
	Tổng cộng	**80**	**43.26**	**37/63**	**46.2**	**Top 20**